

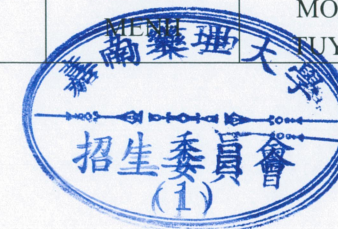
2023 年國際學生產學合作專班秋季班申請入學公告錄取名單

資訊管理系企業資源規劃與資訊管理國際產學合作專班
正取生

112079 黎心如 LE TAM NHU	112059 陳大偉 TRAN DAI VI	112114 阮氏香江 NGUYEN THI HUONG GIANG	112055 鄧阮燕科 DANG NGUYEN YEN KHOA	112102 趙家康 TRIEU GIA KHANG	112052 何園維 HA QUYEN DUY	112060 武青日 VO THANH NHUT	112078 山黃簪 SON HUYNH TRAM	112067 段玉垂玲 DOAN NGOC THUY LINH	112075 黎氏夢詩 LE THI MONG THO
112064 黃文康 HUYNH VAN KHANG	112046 李越英 LY VIET ANH	112048 兼氏如 KIEM THI NHU	112104 林薔薇 LAM TUONG VY	112071 阮嘉欣 NGUYEN GIA HAN	112066 范有祿 PHAM HUU LOC	112058 黃俊康 HUYNH TUAN KHANG	112063 武國慶 VO QUOC KHANH	112101 阮氏嬌梅 NGUYEN THI KIEU MAI	112083 曾氏美然 TANG THI MY NHIE
112061 張氏如意 TRUONG THI NHU Y	112082 石氏美然 THACH THI MY NHIE	112050 山明峰 SON MINH PHONG	112069 阮富長文 NGUYEN PHU TRUONG VAN	112085 楊黃兒 DUONG HOANG NHI	112140 阮氏陽 NGUYEN THI DUONG	112095 李永全 LY VINH TOAN	112056 陳進財 TRAN TIEN TAI	112077 茶青當 TRA THANH DANG	112087 范世興 PHAM THE HUNG
112100 黎明豪 LE MINH HAO	112062 阮德輝 NGUYEN DUC HUY	112096 王國泰 VUONG QUOC THAI	112088 阮段盛發 NGUYEN DOAN THINH PHAT	112070 黎瓊針 LE QUYNH CHAM	112092 阮懷芳 NGUYEN HOAI PHUONG	112053 黃氏燕如 HUYNH THI YEN NHU	112057 阮芳草 NGUYEN PHUONG THAO	112091 馬順世 MA THUAN THE	112090 吳氏玉銀 NGO THI NGOC NGAN
112097 翁開達 ONG KHAI DAT	112163 河忠宇 HA TRONG VU	112072 何黎黃達 HA LE HOANG DAT	112157 黃氏嫻 HOANG THI DIU	112186 梁氏喬英 LUONG THI KIEU OANH	112185 黎氏龍 LE THI LONG	112170 琅氏水仙 LANG THI THUY TIEN	112103 黎青兄 LE THANH HUYNH	112042 何德秀 HA DUC TU	112044 牡丹瓊 DO DAN QUYNH
112191 李氏金書 LY THI KIM THU	112192 王氏黎 VUONG THI LE	112113 范氏媽 PHAM THI YEN	112205 孔怡金春 KHONG DI KIM XUAN	112206 黎氏梅 LE THI MUI	112212 阮氏喬英 NGUYEN THI KIEU OANH	112215 梅氏鴛 MAI THI UYEN	112117 黎氏芳 LE THI PHUONG	112168 梁俊英 LUONG TUAN ANH	112154 高成龍 HUONG THANH



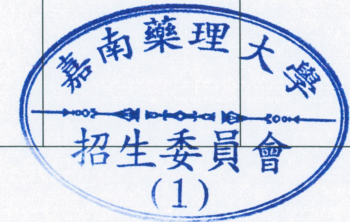
									LONG
112213 楊氏梅江 DUONG THI MAI GIANG	112178 賈柏佑 GIA BA HU	112152 呂一時 LU NHAT THOI	112161 梁氏兒 LUONG THI NHI	112166 盧氏紅玉 LO THI HONG NGOC	112165 韋氏柳 VI THI LIEU	112252 阮庭孝 NGUYEN DINH HIEU	112180 樓柏君 LAU BA VUA	112179 賈柏景 GIA BA CANH	112171 韋文達 VI VAN DAT
112189 韋文合 VI VAN HOA	112024 樓啊日 LAU A DU	112167 河德情 HA DUC TINH	112150 阮文非 NGUYEN VAN PHI	112198 包氏清草 BE THI THANH THAO	112199 馬國維 MA QUOC DUY	112176 和柏礎 VA BA SO	112175 熊柏杰 XONG BA DIA	112174 熊柏盟 XONG BA	112291 黎氏夢泉 LE THI MONG NUYEN



2023 年國際學生產學合作專班秋季班申請入學公告錄取名單

資訊管理系企業資源規劃與資訊管理國際產學合作專班
備取生

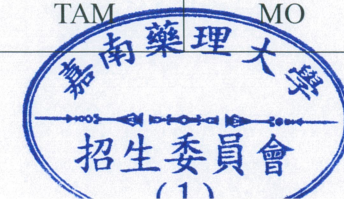
112141 阮氏明英 NGUYEN THI MINH ANH	112181 羅文慶 LA VAN KHANH	112162 岑書環 SAM THU HOAN	112190 夢文春 MOONG VAN CHUAN	112177 莫柏紀 MUA BA KY	112193 黃小和 HOANG SEO HOA	112195 陳光凱 TRAN QUANG KHAI	112253 熊伯珀 XONG BA PO	112196 鄧文通 DANG VAN THONG	112293 阮文康 NGUYEN VAN KHANG
112194 趙文光 TRIEU VAN QUANG	112204 范氏美幸 PHAM THI MY HANH	112008 陳文北 TRAN VAN BAC	112254 潘謝雲 PHAN TA MAY	112255 阮氏茹戀 NGUYEN THI NHU LUYEN	112294 阮德理 NGUYEN DUC LY	112256 亨氏玉潘 HEN THI NGOC PHAN	112257 林清厲 LAM THANH LOI	112258 陶氏清豔 DAO THI THANH DIEM	112259 林氏美仙 LAM THI MY TIEN
112260 黎思琴 LY TU KHAN	112158 梁文定 LUONG VAN DINH								



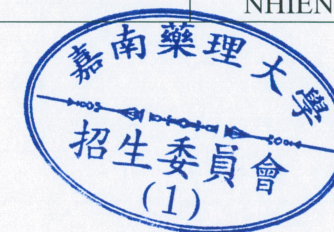
2023 年國際學生產學合作專班秋季班申請入學公告錄取名單

生活保健科技系食品技術暨生活事業管理國際產學合作專班
正取生

112238 梁雪兒 LUONG TUYET NHI	112105 黎美玄 LE MY HUYEN	112076 杜玉寶珍 DO NGOC BAO TRAN	112234 陳氏艷湄 TRAN THI DIEM MI	112093 陳文維 TRAN VAN DUY	112145 武揮錄 VO HUY LOC	112229 鄭氏秋香 TRINH THI THU HUONG	112201 阮氏芳草 NGUYEN THI PHUONG THAO	112289 阮名錦泉 NGUYEN DANH CAM TUYEN	112273 童氏苑 DONG THI UYEN
112272 范懷南 PHAM HOAI NAM	112108 阮氏垂妝 NGUYEN THI THUY TRANG	112116 阮氏玉意 NGUYEN THI NGOC Y	112173 羅氏梅 LA THI MAI	112121 黃緬貴 HOANG MI QUY	112036 梁氏金顏 LUONG THI KIM NHAN	112038 黃氏釵 HOANG THI THOA	112240 裴燕兒 BUI YEN NHI	112148 鄧光武 DANG QUANG VU	112149 阮茶媚 NGUYEN TRA MY
112147 黎氏水 LE THI THUY	112017 黃氏云 HOANG THI MAY	112164 韋氏梅 VI THI MAI	112249 鄧玄妙 DANG HUYEN DIU	112237 阮氏錦秀 NGUYEN THI CAM TU	112022 楊玉便 DUONG NGOC TIEN	112027 潘氏幸 PHAN THI HANH	112230 裴文俊 BUI VAN TUAN	112037 吳氏海 NGO THI HAI	112041 楊氏梅如 GIANG THI MAI NHU
112209 高氏賢英 CAO THI HIEN ANH	112218 阮氏芳英 NGUYEN THI PHUONG ANH	112156 琅氏堃玲 LANG THI THUY LINH	112293 竇氏青嫻 DAU THI THANH NHAN	112219 朱氏瓊 CHU THI QUYNH	112021 黃氏青戀 HOANG THI THANH LUYEN	112216 韋氏莊 VI THI TRANG	112217 鄭氏瓊英 TRINH THI QUYNH ANH	112236 阮氏雁 NGUYEN THI NHAN	112133 阮氏玄 NGUYEN THI HUYEN
112013 阮氏蘭 NGUYEN THI LAN	112034 黎紅幸 LE HONG HANH	112155 梁喬貞 LUONG KIEU TRINH	112023 玉翠莊 NGOC THUY TRANG	112011 鄧氏容 DANG THI DUNG	112081 裴氏碧玉 BUI THI BICH NGOC	112035 閉氏青玄 BE THI KHANH HUYEN	112009 梁泰青 LUONG THAI THANH	112107 范美心 PHAM MY TAM	112207 琅氏夢 LANG THI MO



112029 韋氏莊 VI THI TRANG	112290 阮德維 NGUYEN DUC DUY	112015 阮氏賢 NGUYEN THI NHAN	112208 韋氏娥 VI THI NGA	112172 韋氏梅英 VI THI MAI ANH	112210 梁文茂 LUONG VAN MA	112020 朱氏黎 CHU THI LE	112026 阮秋香 NGUYEN THU HUONG	112223 阮氏南英 NGUYEN THI NAM ANH	112007 阮氏玉碧 NGUYEN THI NGOC BICH
112251 馮玉堅 PHUN NGOC KIEN	112123 李孟強 LY MANH CUONG	112203 郭氏慶玄 QUACH THI KHANH HUYEN	112012 阮氏慧 NGUYEN THI HUE	112244 阮氏邱懷 NGUYEN THI THU HOAI	112247 橋玉英 KIEU NGOC ANH	112169 琅文黃 LANG VAN HOANG	112002 阮懷商 NGUYEN HOAI THUONG	112241 阮日秀 NGUYEN VIET TU	112222 張氏芳草 TRUONG THI PHUONG THAO
112231 阮氏麗君 NGUYEN THI LE QUAN	112030 阮氏映雪 NGUYEN THI ANH TUYET	112183 古氏婕 CUT THI KIA	112039 阮氏秋明 NGUYEN THI MINH THU	112115 武慶薇 VO KHANH VY	112235 阮氏玉兒 NGUYEN THI NGOC NHI	112211 夢文飛 MOONG VAN PHENG	112182 祝文年 CHICH VAN NIEN	112243 阮佑大 NGUYEN HUU DAI	112106 登紅然 DANG HONG NHIEN

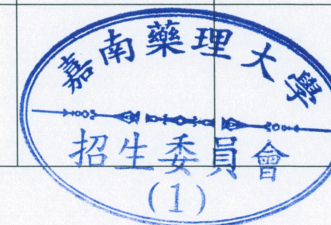


2023 年國際學生產學合作專班秋季班申請入學公告錄取名單

生活保健科技系食品技術暨生活事業管理國際產學合作專班

備取生

112225 黃氏映月 HOANG THI ANH NGUYET	112292 吳氏鶴 NGO THI THUONG	112276 黃玉茹草 HUYNH NGOC NHU THAO	112274 馮金平 PHUNG THANH BINH	112242 阮德杜 NGUYEN DUC DU	112279 范氏茹玉 PHAM THI NHU NGOC	112040 阮氏花 NGUYEN THI HOA	112280 阮氏燕兒 NGUYEN THI YEN NHI	112139 丁氏水仙 DINH THI THUY TIEN	112286 裴氏金銀 BUI THI KIM NGAN
112281 馮氏貞女 PHUNG THI TRINH NU	112277 陳皇泰 TRAN HOANG THAI	112278 阮文孝 NGUYEN CHI HIEU	112287 阮氏順 NGUYEN THI THUAN	112135 阮春富 NGUYEN XUAN PHU	112288 黃文權 HOANG VAN QUYEN	112283 阮金英 NGUYEN KIM ANH	112127 嚴氏映雪 NGHIEM THI ANH TUYET	112131 阮氏玉映 NGUYEN THI NGOC ANH	112285 武氏娥 VU THI NGA
112282 陳南英 TRAN NAM ANH	112227 申氏如瓊 THAN THI NHU QUYNH	112120 朱緬東 CHU MY DONG	112138 陳明煌 TRAN MINH HOANG	112137 阮維民 NGUYEN DUY DAN	112250 樊氏雲 PHAN THI VAN	112232 裴氏垂蓉 BUI THI THUY DUNG	112129 高春映 CAO XUAN ANH	112122 樊氏洪 PHAN THI HONG	112125 朱氏映玉 CHU THI ANH NGOC
112003 黃玉偉 HOANG NGOC VY									

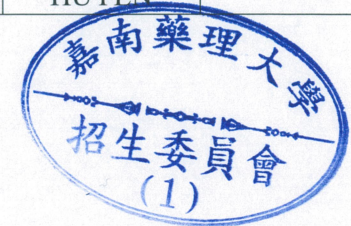


2023 年國際學生產學合作專班秋季班申請入學公告錄取名單

多媒體與遊戲發展系多媒體機電工程國際學生產學合作專班

正取生

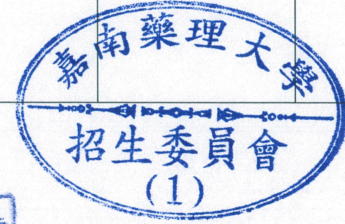
112045 陳明發 TRAN MINH PHAT	112261 陳黃停詩 TRAN HOANG DINH THI	112074 武成鶴 VO THANH THUONG	112084 阮氏翠 NGUYEN THI THUY	112089 陳氏香翠 TRAN THI HUONG THUY	112049 朱明杰 CHAU MINH KIET	112228 郭海龍 QUACH HAI LONG	112065 黎嘉豪 LE GIA HAO	112099 周清銀 CHAU THANH NGAN	112098 張氏金銀 TRUONG THI KIM NGAN
112054 蘇文可 TO VAN KHA	112262 陳國泰 TRAN QUOC THAI	112112 黎氏垂容 LE THI THUY DUNG	112051 曾寶康 TANG BAO KHANG	112188 韋百科 VI BACH KHOA	112263 阮皇恩 NGUYEN HOANG AN	112214 阮長慶 NGUYEN TRUONG KHANH	112153 向泰原 HUONG THAI NGUYEN	112159 向氏芝 HUONG THI CHI	112160 韋氏江 VI THI GIANG
112184 和柏澤 VU BA GIO	112187 胡文全 HO VAN TOAN	112004 鄧喬福 DANG KIEM PHAU	112016 阮世軍 NGUYEN THE QUAN	112018 阮文河 NGUYEN VAN HA	112025 阮玉軍 NGUYEN NGOC QUAN	112233 阮氏香蘭 NGUYEN THI HUONG LAN	112245 陳氏英書 TRAN THI ANH THU	112073 潘光長 PHAN QUANG TRUONG	112005 番氏仙 BAN THI TIEN
112032 阮氏原 NGUYEN THI NGUYEN	112028 阮氏蘭英 NGUYEN THI LAN ANH	112109 裴氏寶玲 BUI THI BAO LINH	112068 鄧氏雪如 DANG THI TUYET NHU	112119 黎玉垂 LE NGOC THUY	112151 相風厚 TUONG PHONG HAU	112001 申氏柔 THAN THI DIU	112136 阮氏碧玉 NGUYEN THI BICH NGOC	112142 潘青玄 PHAN THANH HUYEN	112146 杜明新 DO MINH TAN



2023 年國際學生產學合作專班秋季班申請入學公告錄取名單

多媒體與遊戲發展系多媒體機電工程國際學生產學合作專班
備取生

112124 樊啊當 PHAN A DANH	112010 阮庭根 NGUYEN DINH CAN	112220 潘南進 PHAN NAM TIEN	112019 阮維雄 NGUYEN DUY HUNG	112275 周氏秋 CHU THI THU	112031 項啊砂 HANG A XA	112111 阮德勝 NGUYEN DUC THANG	112144 農國榮 NONG QUOC VINH	112264 黃文靜 HOANG VAN TINH	112265 楊志緯 DUONG CHI VY
112266 翁氏玉貞 ONG THI NGOC TRINH	112267 劉寶謙 LUU BAO KIEM	112268 阮武方 NGUYEN VU PHUONG	112269 石皇智 THACH HOANG TRI	112270 阮林 NGUYEN LAM	112271 張清水 TRUONG THANH THUY	112248 吳嘉寶 NGO GIA BAO			



112 年 8 月 24 日 嘉南藥理大學 招字第 11201002 號